

Bản án số: 17/2023/HS-ST  
Ngày 23-12-2023

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA CHÈ, TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Văn Quyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* bà Lê Thị Phương và ông Bàn Văn Sần

**- Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Chè, tỉnh Quảng Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Chè, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** ông Tô Minh Đức – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Chè, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**; sinh ngày: 01/8/1980 tại huyện B, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: Khu X, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc V (đã chết) và bà Ân Thị D; có vợ là Nguyễn Thị L, có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/11/2023 đến ngày 29/11/2023, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”, hiện tại ngoại tại nơi cư trú; có mặt.

2. Họ và tên: **Đỗ Văn T1**; sinh ngày: 06/4/1988 tại huyện B, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: Khu X, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn C và bà Nguyễn Thị Đ; có vợ là Đoàn Thị Ngọc O (đã chết), có 01 con, sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/11/2023 đến ngày 29/11/2023, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”, hiện tại ngoại tại nơi cư trú; có mặt.

**\* Người làm chứng:**

Anh Đỗ Hải Q; sinh năm: 1974; nơi cư trú: khu X, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

**\* Người chứng kiến:**

Ông Lê Văn H; sinh năm: 1965; nơi cư trú: khu X, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 9/2023, do biết Nguyễn Văn T có pháo nổ bán nên Đỗ Văn T1 đặt mua 09 hộp pháo nổ (pháo hoa nổ) loại 36 quả và 02 hộp pháo dây để sử dụng thì T đồng ý bán cho T1 với giá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) và thống nhất sẽ giao pháo cho T1 làm nhiều lần để tránh bị lực lượng Công an phát hiện. Sau đó vài ngày, tại khu vực chân Cầu B 2 thuộc khu X, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh, T1 trả cho T một lần tổng số tiền 5.000.000 đồng, T đã ba lần giao cho T1 toàn bộ số pháo mà T1 đặt mua của T trước đó. Tất cả số pháo nổ mua được T1 đều cất giấu tại gác xép phòng ngủ nhà anh Đỗ Hải Q ở khu X, thị trấn B, mục đích T1 mua pháo để đốt chơi.

Chiều ngày 09/11/2023, T gọi điện thoại cho T1 hỏi mua lại 02 hộp pháo trước đó đã bán cho T1 thì được T1 đồng ý. Khoảng 19 giờ cùng ngày, T đến khu vực gần nhà anh Đỗ Hải Q ở khu X, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh để nhận pháo. Khi T đến nơi hẹn, T1 đi vào phòng ngủ nhà anh Q lấy 02 hộp pháo nổ loại 36 quả, đựng trong một bao tải màu xanh rồi mang ra đưa cho T. Trong khi hai bên đang giao nhận pháo thì bị cơ quan Công an huyện Ba Chẽ kiểm tra phát hiện, thu giữ 02 khối hộp hình chữ nhật kích thước (16,5x13,5x14,5)cm bên trong mỗi khối hộp có 36 ống hình trụ, mặt ngoài mỗi khối hộp bọc giấy màu đỏ ghi dòng chữ JING PIN 36 SHORTS nghi là pháo nổ, tổng khối lượng của 02 khối hình hộp là 3,2kg; và 02 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung màu đen.

Căn cứ lời khai của T1, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Chẽ đã khám xét tại nhà anh Đỗ Hải Q, thu giữ tại gác xép phòng ngủ thứ hai bên phải: 07 khối hình hộp chữ nhật kích thước (16,5x13,5x14,5)cm bên trong mỗi khối hộp có 36 ống hình trụ, mặt ngoài mỗi khối hộp bọc giấy màu đỏ ghi dòng chữ JING PIN 36 SHORTS nghi là pháo nổ được đựng trong một vỏ bao màu xanh, mặt ngoài vỏ bao ghi chữ VISTAR, khối lượng của mỗi khối hình hộp chữ nhật là 1,6kg, tổng khối lượng của 07 khối hình hộp là 11,2kg; 02 khối hình trụ, đường kính mỗi khối là 31,5cm, chiều cao mỗi khối 05cm, bên trong mỗi khối hộp chứa nhiều ống hình trụ nhỏ xếp đan xen nhau, mặt ngoài được bọc giấy màu đỏ, ghi chữ nước ngoài được đựng trong một vỏ bao tải màu vàng, mặt ngoài bao in nhiều chữ nước ngoài, khối lượng của mỗi khối hình trụ là 1,5kg, tổng khối lượng của 02 khối hình trụ là 03kg.

Tại bản kết luận giám định số 8335/KL-KTHS ngày 14/11/2023 của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an kết luận: 09 khối hộp, vỏ bọc giấy màu in hoa văn và chữ nước ngoài, bên trong mỗi khối gồm 36 ống hình trụ, vỏ giấy được

liên kết với nhau, ký hiệu từ M1 đến M9 đều là pháo nổ (pháo hoa nổ); Các vật hình trụ, vỏ giấy màu đỏ, một đầu mỗi vật có gắn dây ngòi được liên kết với nhau thành 02 tràng (02 bánh hình trụ) ký hiệu lần lượt là M10 và M11 đều là pháo nổ.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T và Đỗ Văn T1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã nêu. Ngoài ra, T còn khai nhận thêm: sau khi T1 đặt mua pháo, T đã liên hệ qua ứng dụng Zalo và hỏi mua của một người không quen biết tại xã H, huyện T (Quảng Ninh) toàn bộ số pháo nêu trên với giá 5.500.000 đồng, sau đó mang bán cho T1 với giá 5.000.000 đồng, toàn bộ số tiền có được sau khi bán pháo T đã chi tiêu cá nhân hết. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo T đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền do phạm tội mà có theo Biên lai thu tiền số 0004105 ngày 22/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Chẽ. Đối với 02 hộp pháo nổ loại 36 quả, T hỏi mua lại của T1 vào chiều ngày 09/11/2023 để mang bán cho anh Đỗ Văn C (sinh năm 1982; trú tại khu X, thị trấn B, huyện B, Quảng Ninh). T1 khai nhận thêm: qua nói chuyện ở quán nước T1 biết T có pháo bán nên đã hỏi mua mục đích để sử dụng, vì quen biết nhau nên chiều ngày 09/11/2023 khi T hỏi mua lại 02 hộp pháo thì được T1 đồng ý nhưng giữa hai người chưa thỏa thuận về giá cả, cũng chưa giao nhận tiền cho nhau. Các bị cáo đều khai nhận 02 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung màu đen bị cơ quan Công an thu giữ trước đó các bị cáo dùng để liên lạc khi tiến hành giao nhận pháo.

Người làm chứng, người chứng kiến đều có lời khai phù hợp với lời khai của các bị cáo và diễn biến nội dung vụ án; phù hợp với các vật chứng bị thu giữ trong vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 18/CT-VKSBC ngày 30 tháng 11 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị can Nguyễn Văn T về tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190; truy tố bị can Đỗ Văn T1 về tội “Tàng trữ hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 của Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 15 (mười lăm) đến 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, về tội “Buôn bán hàng cấm” thời gian thử thách từ 30 (ba mươi) đến 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 191; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T1 từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, về tội “Tàng trữ hàng cấm” thời gian thử thách từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn T và Đỗ Văn T1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng: các điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, các điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu (truy thu) của bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) nhưng được trừ vào số tiền 5.200.000 đồng (năm triệu hai trăm nghìn đồng) bị cáo đã tự nguyện nộp trước theo Biên lai thu tiền số 0004105 ngày 22/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Chẽ. Tịch thu sung nhân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A71, màu đen, số IMEI 1: 353408118707650, bên trong chứa sim số 0357.321688 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Pro, màu đen, số IMEI 1: 356447080725115, bên trong chứa sim số 0399.139660. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận nội dung bản cáo trạng truy tố về hành vi phạm tội của các bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan, không sai; các bị cáo không có ý kiến tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Chẽ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Chẽ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác; phù hợp với sơ đồ hiện trường, bản ảnh, vật chứng bị thu giữ cùng những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian vào khoảng tháng 9/2023, tại khu vực chân cầu B 2 thuộc khu X, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Văn T đã có hành vi bán cho Đỗ Văn T1 tổng số 17,4 kg pháo nổ với giá 5.000.000 đồng, toàn bộ số pháo này T1 mua về với mục đích để sử dụng. Đến ngày 09/11/2023, T hỏi mua lại 02 hộp pháo khối lượng 3,2 kg từ T1 để bán cho người khác (theo lời khai của T là sẽ mang bán cho anh Đỗ Văn C), trong khi T đang nhận pháo từ T1 thì bị Công an huyện Ba Chẽ phát hiện, thu

giữ vật chứng. Các bị cáo là người trưởng thành có đầy đủ khả năng nhận thức, phạm tội với lỗi cố ý. Vì vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm vào tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190; hành vi của bị cáo Đỗ Văn T1 đã phạm vào tội “Tàng trữ hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 của Bộ luật hình sự, đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Chẽ đã truy tố.

**[3] Điều 190 Bộ luật hình sự quy định:**

*“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 232, 234, 244, 246, 248, 251, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm*

.....

*c) Sản xuất, buôn bán pháo nổ từ 06 kilôgam đến dưới 40 kilôgam;”*

**Điều 191 Bộ luật hình sự quy định:**

*“1. Người nào tàng trữ, vận chuyển hàng cấm thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 232, 234, 239, 244, 246, 249, 250, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

.....

*c) Pháo nổ từ 06 kilôgam đến dưới 40 kilôgam;”*

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý của nhà nước về mua bán, tàng trữ Pháo nổ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Do vậy cần phải xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy:

Về tình tiết tăng nặng: các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo Đỗ Văn T1 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo Nguyễn Văn T đã tích cực thực hiện các hoạt động từ thiện vì cộng đồng, cụ thể là ngày 20/8/2023 đã tặng 20 chiếc áo ấm và 300kg gạo, tổng trị giá 7.200.000 đồng (bảy triệu hai trăm nghìn đồng) hỗ trợ cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập và bếp ăn bán trú tại Trường phổ thông dân tộc bán trú TH và THCS Đ II, đã được Nhà trường và Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B biểu dương, xác nhận, trước khi xét xử bị cáo T đã tự nguyện giao nộp toàn bộ số tiền do phạm tội mà có. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đỗ Văn T1; áp dụng điểm s khoản

1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước.

[6] Về hình phạt:

[6.1] Về hình phạt chính: Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, khi phạm tội không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022) của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà giao cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú quản lý giáo dục các bị cáo với một thời gian thử thách phù hợp, điều đó cũng đáp ứng được mục đích của hình phạt. Trường hợp bị cáo nào vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong thời gian thử thách thì phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

[6.2] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định của Bộ luật Hình sự, các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên các bị cáo đều không có việc làm, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng và các tài sản khác bị thu giữ trong vụ án:

Các vật chứng, tài sản còn lại của vụ án gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A71, màu đen, số IMEI 1: 353408118707650, bên trong chứa sim số 0357.321688 thu giữ của Đỗ Văn T1 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Pro, màu đen, số IMEI 1: 356447080725115, bên trong chứa sim số 0399.139660 thu giữ của Nguyễn Văn T các bị cáo đều sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu, sung ngân sách Nhà nước. Đối với số pháo nổ thu giữ được đã sử dụng hết trong quá trình giám định nên Hội đồng xét xử không đề cập. Đối với số tiền 5.000.000 đồng T có được do bán pháo cho T1 là tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu (truy thu) sung ngân sách Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền 5.200.000 đồng (năm triệu hai trăm nghìn đồng) bị cáo đã tự nguyện giao nộp theo Biên lai thu tiền số 0004105 ngày 22/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Chẽ.

[8] Đối với anh Đỗ Hải Q, không biết việc Đỗ Văn T1 cất giấu pháo nổ ở gác xép nhà mình nên không đủ cơ sở xử lý, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với anh Đỗ Văn C theo lời khai của Nguyễn Văn T là người đặt mua 02 hộp pháo nổ của T, quá trình điều tra anh C vắng mặt tại địa phương nên chưa đủ cơ sở xử lý, khi nào làm rõ sẽ được xử lý sau theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đối với hành vi của Đỗ Văn T1 bán 02 hộp pháo hoa nổ, kích thước (16,5x13,5x14,5)cm, khối lượng 3,2kg cho Nguyễn Văn T chưa đủ định lượng để xử lý về hình sự, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Chẽ đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào: điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Buôn bán hàng cấm”

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Căn cứ vào: điểm c khoản 1 Điều 191; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn T1 phạm tội “Tàng trữ hàng cấm”

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T1 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Giao các bị cáo Nguyễn Văn T và Đỗ Văn T1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Căn cứ vào: các điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, các điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu (truy thu) của bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) nhưng được trừ vào số tiền 5.200.000 đồng (năm triệu hai trăm nghìn đồng) bị cáo đã tự nguyện nộp trước theo Biên lai thu tiền số 0004105 ngày 22/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Chẽ. Tịch thu sung nhân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A71, màu đen, số IMEI 1: 353408118707650, bên trong chứa sim số 0357.321688 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Pro, màu đen, số IMEI 1: 356447080725115, bên

trong chứa sim số 0399.139660. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Tình trạng vật chứng như Biên bản giao vật chứng, tài sản lập ngày 15/12/2023 giữa Công an huyện Ba Chẽ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh.

5. Căn cứ vào: Điều 121; Điều 124, điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh” và “Tạm hoãn xuất cảnh” của Tòa án nhân dân huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh đang được áp dụng đối với các bị cáo Nguyễn Văn T và Đỗ Văn T1.

6. Căn cứ vào: khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T và Đỗ Văn T1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

7. Căn cứ vào: Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- VKSND huyện Ba Chẽ;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Ba Chẽ;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Ba Chẽ;
- Chi cục THADS huyện Ba Chẽ;
- Lưu hồ sơ; Lưu TA./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Quyền**